

Vụ trưởng xây dựng Quy chế làm việc của Vụ trình Bộ trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện; bố trí công chức, viên chức phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn và nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ; thay thế Quyết định số 14/NN-TCCB-QĐ ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Vụ Tổ chức cán bộ và các quy định trước đây của Bộ trái với Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 87/2003/QĐ-BNN ngày 04/9/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Nông nghiệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày

18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Nông nghiệp là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành nông nghiệp trong phạm vi cả nước.

Cục Nông nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có kinh phí hoạt động, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

Trụ sở của Cục Nông nghiệp đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Cục Nông nghiệp được Bộ trưởng giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về trồng trọt, chăn nuôi trong cả nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, cụ thể như sau:

1. Trình Bộ trưởng dự án luật, dự án pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục.

2. Trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch, chính sách, kế hoạch năm năm và hàng năm, chương trình, dự án, đề án về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục theo sự phân công của Bộ trưởng.

3. Ban hành văn bản về nghiệp vụ quản lý;

hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành theo phân cấp của Bộ trưởng.

4. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về chuyên ngành quản lý của Cục.

5. Về quản lý chuyên ngành trồng trọt:

a) Về giống cây trồng nông nghiệp:

- Quản lý nhà nước về giống cây trồng nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức điều tra, thống kê về giống cây trồng nông nghiệp; thu thập, bảo tồn và sử dụng giống cây trồng nông nghiệp; quy trình, quy phạm, kỹ thuật, công nghệ về giống cây trồng nông nghiệp;

- Quản lý chất lượng giống cây trồng nông nghiệp và các hoạt động kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng nông nghiệp; khảo nghiệm và đề xuất công nhận giống cây trồng mới; bảo hộ giống cây trồng mới; bình tuyến, công nhận vườn giống, cây giống đầu dòng; khuyến cáo sử dụng giống cây trồng mới;

- Cấp và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về giống cây trồng nông nghiệp theo thẩm quyền;

- Trình Bộ trưởng ban hành các danh mục về giống cây trồng nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Quản lý hệ thống chọn tạo, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, sản xuất kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp;

- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu giống cây trồng nông nghiệp;

- Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp.

b) Về canh tác:

- Thống nhất quản lý về thời vụ sản xuất; kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch;

- Thống nhất quản lý quy hoạch, sử dụng, bảo vệ và nâng cao độ phì của đất nông nghiệp; tham gia thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp;

- Thống nhất quản lý chất lượng phân bón; quản lý việc đăng ký, khảo nghiệm, đề xuất việc công nhận phân bón mới;

- Trình Bộ trưởng ban hành các danh mục về phân bón sử dụng trong nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Thống nhất quản lý công tác bảo vệ thực vật đối với trồng trọt.

6. Về quản lý chuyên ngành chăn nuôi:

a) Về giống vật nuôi nông nghiệp:

- Xây dựng, thẩm định và quản lý việc thực hiện các dự án điều tra cơ bản về giống vật nuôi theo phân công của Bộ trưởng;

- Quản lý chất lượng giống vật nuôi nông nghiệp và các hoạt động khảo nghiệm, kiểm định, đề xuất công nhận giống vật nuôi mới trong nông nghiệp;

- Cấp và thu hồi các loại giấy chứng nhận, giấy phép về giống vật nuôi nông nghiệp theo thẩm quyền;

- Trình Bộ trưởng ban hành các danh mục về giống vật nuôi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về giống vật nuôi nông nghiệp;

- Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi nông nghiệp.

b) Về chăn nuôi:

- Quản lý quy hoạch, kế hoạch phát triển chăn

nuôi; tham gia thẩm định các dự án quy hoạch, kế hoạch phát triển chăn nuôi;

- Quản lý những biện pháp, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, hạ tầng cơ sở chăn nuôi;

- Quản lý nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi; về xuất khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; chỉ đạo kiểm định thức ăn chăn nuôi;

- Cấp và thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về thức ăn chăn nuôi theo thẩm quyền;

- Trình Bộ trưởng ban hành các danh mục về thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi;

- Thống nhất quản lý công tác thú y đối với chăn nuôi.

7. Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp:

a) Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo kế hoạch sản xuất hàng năm;

b) Thẩm định các dự án đầu tư vùng nguyên liệu về trồng trọt, chăn nuôi gắn với bảo quản và công nghiệp chế biến nông, lâm sản theo quy hoạch; tham gia quản lý về bảo quản, chế biến nông, lâm sản; đề xuất biện pháp khắc phục thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp trên phạm vi cả nước;

c) Tham gia chỉ đạo công tác khuyến nông về trồng trọt, chăn nuôi;

d) Tổng kết, đánh giá tình hình sản xuất hàng năm;

đ) Thống kê, báo cáo tiến độ sản xuất và xây dựng cơ sở dữ liệu về trồng trọt, chăn nuôi trong cả nước;

e) Thẩm định và quản lý việc thực hiện các dự

án điều tra cơ bản về trồng trọt và chăn nuôi theo quy hoạch;

g) Quản lý, theo dõi dự trữ quốc gia về giống cây trồng, giống vật nuôi nông nghiệp.

8. Về khoa học công nghệ:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng chương trình, kế hoạch, đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ; quản lý và tổ chức triển khai kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ về phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục;

b) Thống nhất quản lý quỹ gen cây trồng và vật nuôi nông nghiệp, vi sinh vật dùng trong nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Trình Bộ trưởng ban hành tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng nông nghiệp, giống vật nuôi nông nghiệp, chất lượng sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, phân bón và thức ăn chăn nuôi, vật tư chuyên ngành phục vụ trồng trọt, chăn nuôi nông nghiệp.

d) Tổ chức thu thập và quản lý thông tin khoa học công nghệ chuyên ngành nông nghiệp.

9. Tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành về trồng trọt, chăn nuôi nông nghiệp theo phân công của Bộ.

10. Về xúc tiến thương mại nông sản:

a) Tham gia xây dựng dự báo định hướng phát triển thị trường về nông sản xuất khẩu, thay thế nhập khẩu và tiêu dùng trong nước;

b) Tham gia xây dựng cơ chế, chính sách phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi;

c) Tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm về trồng trọt, chăn nuôi.

11. Xây dựng chương trình, dự án hợp tác quốc

tế về nông nghiệp; tham gia đàm phán để ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, các tổ chức quốc tế về nông nghiệp; tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, dự án hợp tác quốc tế theo phân cấp quản lý của Bộ trưởng.

12. Quản lý, chỉ đạo một số đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công thuộc Bộ về nông nghiệp theo phân công của Bộ trưởng.

13. Tham gia quản lý hoạt động của các hội, tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi theo phân công của Bộ trưởng.

14. Thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi theo thẩm quyền.

15. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính của Cục theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Bộ.

16. Thực hiện nhiệm vụ và quản lý Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới, Văn phòng đại diện Viện Nghiên cứu lúa quốc tế (IRRI) tại Việt Nam.

17. Quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế của Cục theo quy định; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Cục.

18. Quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao; tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định.

19. Thực hiện nhiệm vụ khác được Bộ trưởng giao.

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo Cục:

Lãnh đạo Cục có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm theo quy định.

Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về hoạt động của Cục và về nhiệm vụ được giao.

Phó Cục trưởng giúp việc Cục trưởng, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Số lượng Phó Cục trưởng không quá ba người; trường hợp vượt quá phải báo cáo Bộ trưởng.

2. Bộ máy quản lý của Cục:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp (tổ chức, tài chính);

b) Phòng Kế hoạch (khoa học, hợp tác quốc tế);

c) Phòng Thanh tra - Pháp chế;

d) Phòng Trồng trọt;

đ) Phòng Chăn nuôi;

e) Phòng Sử dụng đất và phân bón;

g) Phòng Thức ăn chăn nuôi;

h) Bộ phận thường trực tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đơn vị trực thuộc:

Các đơn vị trực thuộc được giao, thành lập hoặc hoạt động theo quyết định của Bộ trưởng.

Cục trưởng Cục Nông nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng và bộ phận; xây dựng Quy chế làm việc của Cục trình Bộ trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ; thay thế Quyết định số 1696/NN-TCCB-QĐ ngày 02/10/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Cục Khuyến nông và Khuyến lâm và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Khuyến nông và Khuyến lâm bàn giao nhiệm vụ và các nội dung có liên quan của Cục Khuyến nông và Khuyến lâm cho Cục trưởng Cục Nông nghiệp.

2. Cục trưởng Cục Nông nghiệp, Chánh Văn phòng, các Vụ trưởng, các Cục trưởng, Chánh Thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 88/2003/QĐ-BNN ngày 04/9/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Bảo vệ thực vật.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Bảo vệ thực vật là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước và thanh tra chuyên ngành về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật trong phạm vi cả nước.

Cục Bảo vệ thực vật có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có kinh phí hoạt động, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

Trụ sở của Cục Bảo vệ thực vật đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Cục Bảo vệ thực vật được Bộ trưởng giao thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Bộ trưởng dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục.

2. Trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch, chính sách, kế hoạch năm năm và hàng năm, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục theo sự phân công của Bộ trưởng.

3. Ban hành văn bản về nghiệp vụ quản lý; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành theo sự phân công của Bộ trưởng.

4. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy